

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC NÔNG NGHIỆP

Professional Practices for Agricultural biotechnology speciality

Lâm Đồng - 2020

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN.....	2
2. MỤC TIÊU/CĐR CỦA HỌC PHẦN	2
3. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN.....	6
4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC	7
5. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	9
6. TÀI LIỆU HỌC TẬP.....	14
7. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN.....	14
8. TIẾN TRÌNH HỌC TẬP	15
10. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN....	21

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ
SINH HỌC NÔNG NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Mã số học phần: 20CS4112

Tên học phần: *Thực tập nghề nghiệp Chuyên ngành Công nghệ sinh học nông nghiệp*

1.2. Số tín chỉ: 3 (0 LT– 3TH)

1.3. Thuộc chương trình đào tạo trình độ: Cử nhân, hình thức đào tạo: Chính quy

1.4. Loại học phần (bắt buộc, tự chọn): Bắt buộc

1.5. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các học phần học phần kiến thức cơ sở, các học phần chuyên ngành bắt buộc, Kỹ thuật phòng thí nghiệm, Thiết kế thí nghiệm và phân tích dữ liệu sinh học, các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành liên quan trực tiếp đến nội dung chuyên môn sẽ thực hành tại các cơ sở.

1.6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe hướng dẫn	: 11 tiết
- Thảo luận	: 17 tiết
- Thực tập tìm hiểu và trải nghiệm chuyên môn	: 56 tiết
- Hoạt động seminar	: 06 tiết
- Tự học	: 48 giờ

2. MỤC TIÊU/CDR CỦA HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu của học phần

Sinh viên/học viên học xong học phần này có kiến thức, phẩm chất, kỹ năng, và năng lực:

Mục tiêu (MT)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL mong muốn
KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH			
MT1	Hiểu rõ về cách thức tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp gắn liền với chuyên ngành công nghệ sinh học nông nghiệp, yêu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất.	1.3.20	3
MT2	Biết cách hệ thống hóa các kiến thức liên quan để lý giải công việc thực tế sẽ trải nghiệm	1.3.20 2.1.7	4

KỸ NĂNG			
Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, và nghề nghiệp			
MT3	Chọn lọc và hệ thống hóa thông tin, dữ liệu/số liệu từ các nguồn tư liệu/tài liệu truyền thống và internet liên quan đến các hoạt động chuyên môn cần triển khai trong quá trình thực tập	2.2.3 2.2.8	3
MT4	Sắp xếp hợp lý các yếu tố trọng tâm cần giải quyết trong quá trình thực tập	1.3.20 2.3.5 2.4.6 2.4.8 4.3.5 4.3.10 4.3.12	4
MT5	Biết cách vận dụng các kiến thức để vận hành công việc thực tế sẽ trải nghiệm	2.1.5 2.1.9 2.4.3 4.1.5 4.2.6 4.3.27	4
MT6	Hình thành kỹ năng đảm bảo tính công bằng, phát huy trí tuệ tập thể thông qua quá trình thực tập	2.5.6 2.5.7 4.3.18	3
MT7	Tin tưởng vào của các quyết định, định hướng trong quá trình thực tập	2.5.7	3
MT8	Hình thành kỹ năng thích ứng với tính đa dạng văn hóa trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục hoạt động trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học	4.2.1	2
MT9	Trải nghiệm thực tiễn kỹ năng đánh giá trình độ công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học thực vật cũng như bối cảnh và các vấn đề cần giải quyết của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghệ sinh học	4.2.2.	3
MT10	Trải nghiệm thực tiễn kỹ năng tìm hiểu chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển của các cơ sở nghiên cứu, sản xuất để hoạch định việc phát triển nghề nghiệp bản thân	2.4.6 2.5.4 4.2.3.	3
MT11	Trải nghiệm thực tiễn kỹ năng Phân tích một cách linh động để thích ứng trong các môi trường làm việc khác nhau	4.2.6	2
MT12	Trải nghiệm thực tiễn kỹ năng Đánh giá đúng giá trị của sản phẩm và khả năng ứng dụng thực tế sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp	4.2.4 4.2.5	3
MT13	Trải nghiệm thực tiễn kỹ năng Vận dụng tư duy phản biện hợp lý khi tác nghiệp trong lĩnh vực công nghệ sinh học	2.4.5.	3
Kỹ năng mềm			
MT14	Kỹ năng làm việc nhóm	3.1.1 – 3.1.5	3
MT15	Kỹ năng giao tiếp	3.2.1, 3.2.2,	3

		3.2.4, 3.2.6, 3.2.7, 3.3.2	
THÁI ĐỘ			
MT16	Thể hiện thái độ hành xử đúng mực, chuyên nghiệp trong quá trình tác nghiệp	2.4.3 2.5.3	3
MT17	Nghiêm túc, nhiệt tình, trung thực trong học tập và nghiên cứu	2.5.2	3
MT18	Có ý thức học tập, cập nhật thường xuyên kiến thức từ các nghiên cứu và các thành tựu trong lĩnh vực công nghệ sinh học và nắm bắt các vấn đề thời sự liên quan đến lĩnh vực này	2.4.7 2.5.5	3
MT19	Tuân thủ các quy tắc và quy định, của phòng thí nghiệm, đơn vị, quốc gia và quốc tế về công nghệ sinh học trong các bối cảnh công việc cụ thể.	2.5.1.	4

2.2. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu môn học (MT)	Chuẩn đầu ra (CDR)	Mô tả CDR	Chỉ định I, T, U
MT1	CDR1	Nhận thức đúng về cách thức tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp gắn liền với chuyên ngành công nghệ sinh học thực vật tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất	I, U
	CDR2	Đánh giá đúng về nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị nghiên cứu, sản xuất thực tập	I, U
MT2	CDR3	Nhận thức đầy đủ phương pháp, các quy trình công nghệ để xây chuỗi thành phương thức triển khai công việc chuyên môn sẽ trải nghiệm	T, U
MT3	CDR4	Thu nhận thông tin, dữ liệu/số liệu từ các nguồn tư liệu/tài liệu truyền thống và internet liên quan đến các hoạt động chuyên môn cần triển khai trong quá trình thực tập một cách chọn lọc	T, U
	CDR5	Hệ thống hóa các thông tin, dữ liệu/số liệu liên quan đến các hoạt động chuyên môn trong quá trình thực tập một cách logic	U
MT4	CDR6	Đánh giá đúng tầm quan trọng và tính logic về thời gian của các việc trọng tâm cần làm, của các khâu/bước thuộc các nội dung công việc cần triển khai trong quá trình thực tập để lập kế hoạch chi tiết quá trình thực tập nghề nghiệp một cách hợp lý, hiệu quả	IU
MT5	CDR7	Vận dụng kiến thức chuyên môn một cách phù hợp với điều kiện thực tế để tiến hành trải nghiệm thực hành nghề nghiệp	T, U

MT6	CDR8	Tôn trọng tính đa văn hóa cũng như biết lắng nghe, ghi nhận và phân tích các ý kiến phản biện, trái chiều trong nhóm thực tập để thống nhất về phân công, đánh giá trong quá trình thực tập	I, U
	CDR9	Đánh giá khách quan về hiệu quả công việc của bản thân và của nhóm trong quá trình thực tập	I, U
MT7	CDR10	Đánh giá chính xác tính hợp lý dựa trên các luận cứ khoa học để tin tưởng vào của các quyết định, định hướng của cơ sở thực tập, giáo viên hướng dẫn trong quá trình thực tập	T, U
MT8	CDR11	Nhận thức phù hợp về tính đa dạng văn hóa tại cơ sở thực tập cũng như tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục hoạt động trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học	I, U
MT9	CDR12	Phân tích đầy đủ bối cảnh, trình độ công nghệ và các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công nghệ sinh học thực vật cần giải quyết của các cơ sở thực tập	I, U
MT10	CDR13	Phân tích chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển nơi thực tập một cách đầy đủ. Đánh giá chính xác khả năng của bản thân để đáp ứng với một vị trí công việc nơi thực tập	I, U
MT11	CDR14	Phân tích một cách linh động trong quá trình thực tập để nắm bắt nhanh chóng các vấn đề nảy sinh hoặc mới tiếp cận, từ đó có thể thích ứng trong các môi trường làm việc khác nhau, bao gồm cả các môi trường áp lực cao	I, U
MT12	CDR15	Đánh giá đúng giá trị khoa học, kinh tế của sản phẩm hình thành từ việc triển khai chuyên môn trong quá trình thực tập và khả năng thương mại sản phẩm đó	I, U
MT13	CDR16	Vận dụng tư duy phản biện hợp lý trong quá trình thực tập	I, U
MT14	CDR17	Tham gia đầy đủ hoạt động nhóm, quản lý nhóm và hợp tác với các thành viên trong nhóm trong quá trình thực tập	I
MT15	CDR18	Lựa chọn phương pháp giao tiếp trực tiếp, gián tiếp phù hợp hoàn cảnh để thu nhận thông tin, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi trong quá trình thực tập	I
MT16	CDR19	Hành xử đúng mực, chuyên nghiệp trong quá trình thực tập	I, U

MT17	CDR20	Nghiêm túc, đúng giờ, tham gia tích cực, đầy đủ các hoạt động trong quá trình thực tập. Không đạo văn, tự tạo số liệu, hình ảnh trong làm báo cáo thực tập	I, U
MT18	CDR21	Nhân thức đầy đủ về yêu cầu cập nhật và phân tích nội dung, ý nghĩa và phương pháp một số nghiên cứu mới trong công nghệ sinh học nông nghiệp để đáp ứng yêu cầu thực tập	I, U
MT19	CDR22	Tuân thủ nghiêm nội quy, quy định của của đơn vị thực tập, nghiêm quy định về báo cáo định kỳ, báo cáo tổng kết về thực tập nghề nghiệp chuyên ngành và hướng dẫn của người có trách nhiệm khi thực tập	I, U

3. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Thực tập nghề nghiệp chuyên ngành Công nghệ sinh học nông nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của chuyên ngành Công nghệ sinh học nông nghiệp thuộc chương trình Công nghệ sinh học, triển khai vào học kỳ 7 (năm 3).

Mục đích: Đây là học phần rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng cá nhân, kỹ năng mềm trong thực tế của các học phần chuyên ngành bắt buộc, Kỹ thuật phòng thí nghiệm, Thiết kế thí nghiệm và phân tích dữ liệu sinh học, các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành liên quan trực tiếp đến nội dung chuyên môn sẽ thực hành tại các cơ sở từ đó góp phần định hướng nghề nghiệp chuyên sâu cho người học.

Nội dung chính của học phần:

- Định hướng công việc/lĩnh vực chuyên môn cụ thể sẽ thực tập nghề nghiệp và tổ chức nhóm có cùng định hướng thực tập, tìm, liên hệ giảng viên hướng dẫn tại Khoa/Trường, tìm và liên hệ cơ sở thực tập, người hướng dẫn tại cơ sở thực tập.

- Lập kế hoạch thực tập và chuẩn bị kiến thức, kỹ năng cần thiết.

- Tìm hiểu về cách thức tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh, nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị nghiên cứu, sản xuất thực tập gắn liền với chuyên ngành công nghệ sinh học nông nghiệp.

- Tìm hiểu về phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế

- Đánh giá kết quả thực tập và lập, trình bày báo cáo thực tập

4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC

4.1 Yêu cầu đối với người dạy

Nội dung, lịch trình giảng dạy, và các quy định của học phần và của giảng viên phải được công khai cho sinh viên vào buổi học đầu tiên. Mọi thắc mắc hay đề xuất của sinh viên về quy định của học phần phải được giải đáp thỏa đáng. Sau khi đã công bố nội dung và thống nhất các quy định của học phần, giảng viên phải áp dụng nhất quán, không được thay đổi trong suốt quá trình giảng dạy học phần.

Trong trường hợp bất khả kháng phải thay đổi lịch trình giảng dạy, giảng viên phải thông báo trước cho sinh viên một khoảng thời gian hợp lý và sắp xếp lịch dạy bù đầy đủ.

Các thay đổi về học vụ, nội dung, các yêu cầu của học phần (đặc biệt là các nội dung có liên quan đến quyền lợi của sinh viên) đều phải báo cáo và được Ban chủ nhiệm Khoa thông qua trước khi bắt đầu giảng dạy.

4.2 Yêu cầu đối với người học

4.2.1 Quy định về tham dự lớp học

Các thắc mắc và đề xuất của sinh viên về các yêu cầu của môn học phải được đưa ra vào buổi học đầu tiên. Sau khi các yêu cầu của môn học và của giảng viên đã được công khai và đã được thống nhất, sinh viên phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của môn học và của giảng viên đề ra trong suốt quá trình học tập.

Nếu sinh viên nào vì lý do bất khả kháng hoặc hoàn cảnh đặc biệt (ví dụ bị bệnh,...) mà không thể tuân thủ các yêu cầu của môn học và của giảng viên đề ra thì phải có đơn xin phép và minh chứng để giảng viên xem xét các hình thức hỗ trợ.

- Sinh viên phải chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ. Sinh viên đi trễ 15 phút sau khi bài giảng đã bắt đầu sẽ không được vào lớp.
- Các sinh viên học lại bị trùng giờ có thể liên hệ với giảng viên để có những sắp xếp phù hợp.

4.2.2 Quy định về hành vi lớp học

Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Các qui định về hành vi trong lớp học như sau:

- Sinh viên phải tuân thủ quy định của trường về trang phục.
- Có thái độ học tập đúng mực, nghiêm túc và tuân thủ các hướng dẫn của giảng viên trong buổi học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc,... trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

- Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. Không làm những việc không liên quan tới môn học.

- Giữ vệ sinh phòng học. Sau khi kết thúc buổi học, sinh viên thu dọn rác, xóa bảng để trả lại nguyên trạng phòng học.

Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị buộc ra khỏi lớp học.

4.2.3 Quy định về học vụ

- Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật được thực hiện theo quy định của Trường. Sinh viên có thể tham vấn chuyên viên Khoa Sinh học trong trường hợp không chắc chắn về thủ tục và mẫu biểu.

- Giải đáp thắc mắc: sinh viên được khuyến khích gặp và thảo luận trực tiếp với giảng viên phụ trách môn học khi gặp khó khăn trong việc tham dự hay tiếp thu nội dung bài giảng.

- Phản hồi của sinh viên về môn học: những phản hồi giúp cải tiến môn học luôn được khuyến khích. Trong quá trình học, sinh viên có các ý kiến đóng góp có thể trình bày trực tiếp với giảng viên hoặc gián tiếp thông qua đại diện của lớp.

- Sinh viên phải là người trực tiếp thực hiện phần lớn các công việc được yêu cầu. Những hành vi như nhờ người khác làm dùm, sao chép bài (hoặc một phần bài) của người khác, hoặc không làm bài mà vẫn đứng tên trong tiểu luận nhóm, nếu bị phát hiện thì được xác định là không hoàn thành học phần và phải đăng ký học lại trong năm học kế tiếp.

5. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

* Cột (10) = (5)+(6)+(7)+(8)

Tên chương / phần	Nội dung chính (Ghi chi tiết đến từng bài dạy của từng chương)	Mục tiêu CDR	Hoạt động dạy và học	Hình thức tổ chức dạy học học phần				SV tự nghiên cứu, tự học	Tổng
				Lên lớp					
				Hướng dẫn	Thảo luận	Thực hành kỹ năng	Seminar		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Chủ đề 1.	Tìm hiểu, chuẩn bị cho quá trình thực tập		Tìm hiểu, thành lập nhóm, liên hệ GV hướng dẫn tại trường và đơn vị đến thực tập, hệ thống hóa cơ sở lý thuyết cho nội dung chuyên môn trải nghiệm, lên kế hoạch thực tập	6	6	6		10h	18
1.1	Định hướng công việc/lĩnh vực chuyên môn cụ thể sẽ thực tập nghề nghiệp và tổ chức nhóm có cùng định hướng thực tập, tìm, liên hệ giảng viên hướng dẫn tại Khoa/Trường	MT1 (CDR1,2) MT5 (CDR7) MT14 (CDR17) MT15 (CDR18) MT18 (CDR21)	Người học tự tìm hiểu, liên hệ					5h	

1.2	Trao đổi với giảng viên hướng dẫn tại Khoa/Trường để tìm, liên hệ với đơn vị sẽ thực tập, người hướng dẫn tại đơn vị sẽ thực tập	MT1 (CĐR1,2) MT2 (CĐR3) MT5 (CĐR7) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18) MT18 (CĐR21)	Hướng dẫn, giới thiệu, ghi nhận, thảo luận, liên hệ	2	2	2			6
1.3	Thống nhất nội dung thực tập với người hướng dẫn tại đơn vị sẽ thực tập, giảng viên hướng dẫn tại trường	MT1 (CĐR1,2) MT2 (CĐR3) MT4 (CĐR6) MT5 (CĐR7) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18) MT18 (CĐR21)	Liên hệ, thảo luận, ghi nhận	2	1	1			4
1.4	Chuẩn bị, hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng cá nhân và các mềm cần thiết để triển khai nội dung chuyên môn sẽ thực tập	MT1 (CĐR1,2) MT2 (CĐR3) MT3 (CĐR4) MT4 (CĐR6) MT5 (CĐR7) MT14 (CĐR17) MT18 (CĐR21)	Hướng dẫn, định hướng thu thập tài liệu và vận dụng các kiến thức, kỹ năng, ghi nhận và hệ thống hóa	1	1	1		5h	3
1.5	Lên kế hoạch thực tập thực tế tại cơ sở chung cho cả nhóm, phân công công việc thành viên	MT2 (CĐR3) MT3 (CĐR4) MT4 (CĐR6) MT6 (CĐR8) MT7 (CĐR10) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18)	Trao đổi, thảo luận trong nhóm, tổng hợp ý kiến trình bày cho GV hướng dẫn và chỉnh sửa theo góp ý	1	2	2			5
Chủ đề 2.	Triển khai thực tập tại cơ sở.		Tìm hiểu thực tế tại cơ sở, nghe hướng dẫn, ghi nhận, thảo luận, tổng hợp thông tin. Thực hành	5	9	48		24h	62

			thực tiếp, ghi nhận, phân tích, đánh giá kết quả công việc						
2.1.	<p>Tìm hiểu về về cách thức tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh gắn liền với chuyên ngành công nghệ sinh học nông nghiệp tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất</p>	<p>MT1 (CĐR1) MT3 (CĐR4, CĐR5) MT8 (CĐR11) MT9 (CĐR12) MT10 (CĐR13) MT12 (CĐR15) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18) MT16 (CĐR19) MT17 (CĐR20) MT19 (CĐR22)</p>	<p>Tìm hiểu thực tế tại cơ sở, nghe hướng dẫn, ghi nhận, thảo luận, tổng hợp thông tin</p>	1	2	7		4h	10
2.2.	<p>Đánh giá về nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị nghiên cứu, sản xuất thực tập</p>	<p>MT1 (CĐR2) MT3 (CĐR4, CĐR5) MT8 (CĐR11) MT9 (CĐR12) MT10 (CĐR13) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18) MT16 (CĐR19) MT17 (CĐR20) MT19 (CĐR22)</p>	<p>Tìm hiểu thực tế tại cơ sở, nghe hướng dẫn, ghi nhận, thảo luận, tổng hợp thông tin</p>		2			4h	2
2.3.	<p>Tìm hiểu phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp thực tế sẽ trải nghiệm về mặt kiến thức, kỹ năng thao tác</p>	<p>MT2 (CĐR3) MT3 (CĐR5) MT4 (CĐR6) MT5 (CĐR7) MT7 (CĐR10) MT11 (CĐR14) MT12 (CĐR15) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18)</p>	<p>Hướng dẫn, nghe hướng dẫn, quan sát làm mẫu và ghi nhận thực tế, thảo luận để phân tích, tổng hợp</p>	2		2			4

		MT16 (CĐR19) MT17 (CĐR20) MT19 (CĐR22)							
2.4	Vận dụng kiến thức, kỹ năng để triển khai các công việc chuyên môn theo nội dung kế hoạch đã thống nhất	MT3 (CĐR5) MT4 (CĐR6) MT5 (CĐR7) MT6 (CĐR8) MT7 (CĐR10) MT11 (CĐR14) MT12 (CĐR15) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18) MT16 (CĐR19) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18) MT16 (CĐR19) MT17 (CĐR20) MT19 (CĐR22)	Thực hành thực tiếp, ghi nhận kết quả công việc	2	2	36		12h	40
2.5	So sánh phương thức triển khai công việc chuyên môn tại cơ sở so với lý thuyết đã học, so sánh kết quả thực tế triển khai công việc chuyên môn so với dự kiến/kết quả do cơ sở triển khai. Phân tích, đánh giá hiệu quả thực tập nội dung chuyên môn và lý giải.	MT2 (CĐR3) MT3 (CĐR4, CĐR5) MT6 (CĐR8, CĐR9) MT9 (CĐR12) MT12 (CĐR15) MT13 (CĐR16) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18) MT17 (CĐR20) MT18 (CĐR21) MT19 (CĐR22)	Tổng hợp kết quả triển khai, thảo luận, phân tích, đánh giá, tổng hợp		3	3		4h	6
Chủ đề 3	Báo cáo		Lập, trình bày báo cáo, ghi nhận góp ý điều chỉnh công việc		2	2	6	14h	10

			và rút kinh nghiệm.							
3.1	Báo cáo tiến độ giữa kỳ	MT1 (CĐR1, CĐR2) MT3 (CĐR5) MT5 (CĐR7) MT6 (CĐR9) MT9 (CĐR12) MT10 (CĐR13) MT12 (CĐR15) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18) MT16 (CĐR21) MT17 (CĐR20) MT18 (CĐR21) MT19 (CĐR22)	Thảo luận, lập, trình bày báo cáo, GV định hướng điều chỉnh cách thức triển khai công việc (nếu có)		<i>1</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>4h</i>	<i>4</i>	
3.2	Báo cáo về rèn luyện kiến thức, kỹ năng, thái độ, kết quả nội dung thực tập	MT1 (CĐR1, CĐR2) MT2 (CĐR3) MT3 (CĐR4, CĐR5) MT4 (CĐR6) MT5 (CĐR7) MT7 (CĐR10) MT8 (CĐR11) MT9 (CĐR12) MT10 (CĐR13) MT12 (CĐR15) MT13 (CĐR16) MT14 (CĐR17) MT15 (CĐR18) MT16 (CĐR21) MT17 (CĐR20) MT18 (CĐR21) MT19 (CĐR22)	SV thảo luận, lập báo cáo, trình bày, giảng viên góp ý, rút kinh nghiệm		<i>1</i>	<i>1</i>	<i>4</i>	<i>10h</i>	<i>6</i>	
TỔNG					11	17	56	6	48h	90

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính (Giáo trình chính)

Tài liệu, giáo trình giảng dạy các học phần liên quan đến nội dung chuyên môn sẽ trải nghiệm trong quá trình thực tập

6.2. Tài liệu tham khảo

Tài liệu, công bố liên quan đến nội dung chuyên môn sẽ trải nghiệm trong quá trình thực tập từ nguồn thư viện, internet

7. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1. Thang điểm đánh giá

- Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

7.2. Kiểm tra – đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần bao gồm 3 cột điểm thành phần như sau:

- Điểm đánh giá của cơ sở bên ngoài (phiếu nhận xét): 40%
- Điểm hướng dẫn của giáo viên (phiếu hướng dẫn, bài báo cáo nhóm): 30 %
- Điểm đánh giá bài báo cáo (phiếu phản biện/thuyết trình): 30%.

7.3. Bảng chi tiết đánh giá học phần

Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ %.

Bảng 7.4.1 Đánh giá học phần

Thành phần	Hình thức đánh giá	Thời điểm	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
Đánh giá của cơ sở ngoài trường	Phiếu nhận xét của cơ sở ngoài trường về các vấn đề luyện kiến thức, kỹ năng, thái độ, kết quả nội dung thực tập (có chữ ký và đóng dấu)	Thực tập xong 40 tiết	MT1 (CĐR1, CĐR2) MT3 (CĐR5) MT5 (CĐR7) MT6 (CĐR8-9) MT9 (CĐR12) MT10 (CĐR13) MT11 (CĐR14) MT12 (CĐR15) MT16 (CĐR19) MT17 (CĐR20) MT18 (CĐR21) MT19 (CĐR22)	40%
Đánh giá của giáo viên hướng dẫn	Phiếu nhận xét của giáo viên hướng dẫn về rèn luyện kiến thức, kỹ năng, thái độ, kết quả nội dung thực tập và bài	Quá trình thực tập	MT1 (CĐR1, CĐR2) MT2 (CĐR3) MT3 (CĐR4, CĐR5) MT4 (CĐR6)	30%

	báo cáo theo nhóm.		MT5 (CĐR7) MT6 (CĐR8-9) MT7 (CĐR10) MT8 (CĐR11) MT9 (CĐR12) MT10 (CĐR13) MT11 (CĐR14) MT12 (CĐR15) MT13 (CĐR16) MT16 (CĐR19) MT17 (CĐR20) MT18 (CĐR21) MT19 (CĐR22)	
Điểm đánh giá bài báo cáo (phiếu phản biện/thuyết trình)	Phiếu chấm điểm của giáo viên phản biện về báo cáo / điểm thuyết trình.	Kết thúc quá trình thực tập	MT1 (CĐR1, CĐR2) MT2 (CĐR3) MT3 (CĐR4, CĐR5) MT4 (CĐR6) MT5 (CĐR7) MT6 (CĐR8-9) MT7 (CĐR10) MT8 (CĐR11) MT9 (CĐR12) MT10 (CĐR13) MT11 (CĐR14) MT12 (CĐR15) MT13 (CĐR16) MT16 (CĐR19) MT17 (CĐR20) MT18 (CĐR21) MT19 (CĐR22)	30%

Việc đánh giá học phần được chi tiết hóa trong các rubric sau đây

Đánh giá của cơ sở thực tập ngoài trường

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuẩn bị, hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng cá nhân và các mềm cần thiết để triển khai nội dung chuyên môn sẽ thực tập, lên kế hoạch thực	CĐR3 CĐR 5-7 CĐR9-11 CĐR13 CĐR17 CĐR21	10%	Chuẩn bị tốt các kiến thức, kỹ năng, kế hoạch thực tập logic, phân công công việc rõ ràng	Đáp ứng 70-85% mức giỏi	Đáp ứng 50-70% mức giỏi	Đáp ứng 0-49% mức giỏi	0,4

tập							
Tìm hiểu về về cách thức tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh gắn liền với chuyên ngành công nghệ sinh học nông nghiệp tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất	CDR1 CDR13-14	10%	Nắm bắt tốt các thông tin, hệ thống hóa đầy đủ chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh của đơn vị	Đáp ứng 70-85% mức giỏi	Đáp ứng 50-70% mức giỏi	Đáp ứng 0-49% mức giỏi	0,4
Đánh giá về nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực triển khai hoạt động chuyên môn tại đơn vị nghiên cứu, sản xuất thực tập	CDR2 CDR12-13	10%	Phản ánh sâu sắc và đầy đủ nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị	Phản ánh đúng và đầy đủ nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị	Phản ánh đúng nhưng chưa đầy đủ nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị	Phản ánh không đúng nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị	0,4
Tiếp nhận phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp thực tế sẽ trải nghiệm về mặt kiến thức, kỹ năng thao tác	CDR3 CDR7 CDR9-10 CDR12-14 CDR21	15%	Nắm bắt tốt các kiến thức, kỹ năng chuyên môn	Đáp ứng 70-85% mức giỏi	Đáp ứng 50-70% mức giỏi	Đáp ứng 0-49% mức giỏi	0,6
Vận dụng kiến thức, kỹ năng để triển khai các công việc chuyên môn theo nội dung kế hoạch đã thống nhất	CDR3 CDR7 CDR12-15 CDR21	20%	Đảm bảo 100% nội dung, khối lượng và chất lượng công việc/sản phẩm theo yêu cầu	Đảm bảo 70-85% nội dung, khối lượng và chất lượng công việc/sản phẩm theo yêu cầu	Đảm bảo 50-69% nội dung, khối lượng và chất lượng công việc/sản phẩm theo yêu cầu	Đảm bảo 0-49% nội dung, khối lượng và chất lượng công việc/sản phẩm theo yêu cầu	0,8
Kỹ năng làm việc nhóm	CDR9 CDR17	10%	Có sự phân công rất hợp lý để 100% thành viên tham gia đầy đủ các công việc, trình bày, trả lời, trao đổi... trong quá	Có sự phân công hợp lý để ~80% thành viên tham gia đầy đủ các công việc, trình bày, trả lời, trao đổi... trong quá trình	Có sự phân công tương đối hợp lý để ~60% thành viên tham gia đầy đủ các công việc, trình bày, trả lời, trao đổi... trong	Phân công chưa hợp lý dẫn đến ~40% thành viên tham gia đầy đủ các công việc, trình bày, trả lời, trao đổi... trong	0,4

			trình thực tập	thực tập	quá trình thực tập	quá trình thực tập	
Kỹ năng giao tiếp, hành xử và thích ứng với nội quy và văn hóa doanh nghiệp	CDR8 CDR11 CDR14 CDR18-20 CDR22	10%	Phương thức giao tiếp tốt, hành xử đúng mực và chuyên nghiệp, thích ứng tốt với nội quy và văn hóa tại đơn vị thực tập	Đáp ứng 70-85% mức giỏi	Đáp ứng 50-70% mức giỏi	Đáp ứng 0-49% mức giỏi	0,4
Nội dung báo cáo	CDR1-3 CDR5 CDR7 CDR9 CDR11-13 CDR15 CDR20-22	10%	Phản ánh chân thực quá trình thực tập, trình bày logic, đầy đủ, không đạo văn, không tự tạo số liệu/hình ảnh	Phản ánh đúng và đủ quá trình thực tập, không đạo văn, không tự tạo số liệu/hình ảnh	Phản ánh được cơ bản quá trình thực tập, không đạo văn, không tự tạo số liệu/hình ảnh	Không phản ánh đúng quá trình thực tập, đạo văn hoặc tự tạo số liệu/hình ảnh	0,4
Hình thức báo cáo	CDR5 CDR18	5%	Cấu trúc đẹp, rõ ràng, không lỗi	Cấu trúc rõ ràng, không lỗi	Cấu trúc hợp lý, nhiều lỗi chính tả/đánh máy.	Cấu trúc đơn điệu, nhiều lỗi chính tả/đánh máy	0,2
ĐIỂM TỔNG							4,0

Đánh giá của giáo viên hướng dẫn

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuẩn bị, hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng cá nhân và các mềm cần thiết để triển khai nội dung chuyên môn sẽ thực tập, lên kế hoạch thực tập	CDR3 CDR 5-7 CDR9-11 CDR13 CDR17 CDR21	10%	Chuẩn bị tốt các kiến thức, kỹ năng, kế hoạch thực tập logic, phân công công việc rõ ràng	Đáp ứng 70-85% mức giỏi	Đáp ứng 50-70% mức giỏi	Đáp ứng 0-49% mức giỏi	0,3

Tìm hiểu về về cách thức tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh gắn liền với chuyên ngành công nghệ sinh học nông nghiệp tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất	CDR1 CDR13-14	10%	Nắm bắt tốt các thông tin, hệ thống hóa đầy đủ chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh của đơn vị	Đáp ứng 70-85% mức giỏi	Đáp ứng 50-70% mức giỏi	Đáp ứng 0-49% mức giỏi	0,3
Đánh giá về nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực triển khai hoạt động chuyên môn tại đơn vị nghiên cứu, sản xuất thực tập	CDR2 CDR12-13	10%	Phản ánh sâu sắc và đầy đủ nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị	Phản ánh đúng và đầy đủ nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị	Phản ánh đúng nhưng chưa đầy đủ nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị	Phản ánh không đúng nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị	0,3
Tiếp nhận phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp thực tế sẽ trải nghiệm về mặt kiến thức, kỹ năng thao tác	CDR3 CDR7 CDR9-10 CDR12-14 CDR21	10%	Nắm bắt tốt các kiến thức, kỹ năng chuyên môn	Đáp ứng 70-85% mức giỏi	Đáp ứng 50-70% mức giỏi	Đáp ứng 0-49% mức giỏi	0,3
Vận dụng kiến thức, kỹ năng để triển khai các công việc chuyên môn theo nội dung kế hoạch đã thông nhất	CDR3 CDR7 CDR12-15 CDR21	10%	Đảm bảo 100% nội dung, khối lượng và chất lượng công việc/sản phẩm theo yêu cầu	Đảm bảo 70-85% nội dung, khối lượng và chất lượng công việc/sản phẩm theo yêu cầu	Đảm bảo 50-69% nội dung, khối lượng và chất lượng công việc/sản phẩm theo yêu cầu	Đảm bảo 0-49% nội dung, khối lượng và chất lượng công việc/sản phẩm theo yêu cầu	0,3
So sánh phương thức triển khai công việc chuyên môn tại cơ sở so với lý thuyết đã học, so sánh kết quả thực tế triển khai công việc chuyên môn so với dự	CDR10 CDR12 CDR15-16 CDR21	10%	So sánh, lý giải hợp lý, đầy đủ, phản ánh rõ ràng mối quan hệ nhân quả giữa cách thức/điều kiện triển khai với kết quả đạt được về mặt	So sánh, lý giải tương đối hợp lý, đầy đủ, phản ánh cơ bản mối quan hệ nhân quả giữa cách thức/điều kiện triển khai với kết quả đạt được về mặt chuyên môn	So sánh, lý giải tương đối hợp lý nhưng chưa đầy đủ, phản ánh một phần mối quan hệ nhân quả giữa cách thức/điều kiện triển khai với kết quả đạt được về mặt	Thiếu logic trong việc so sánh, lý giải và phản ánh một phần mối quan hệ nhân quả giữa cách thức/điều kiện triển khai với kết quả đạt được về mặt	0,3

kiến/kết quả do cơ sở triển khai. Phân tích, đánh giá hiệu quả thực tập nội dung chuyên môn và lý giải.			chuyên môn		chuyên môn	chuyên môn	
Kỹ năng làm việc nhóm	CDR9 CDR17	10%	Có sự phân công rất hợp lý để 100% thành viên tham gia đầy đủ các công việc, trình bày, trả lời, trao đổi... trong quá trình thực tập	Có sự phân công hợp lý để ~80% thành viên tham gia đầy đủ các công việc, trình bày, trả lời, trao đổi... trong quá trình thực tập	Có sự phân công trung đối hợp lý để ~60% thành viên tham gia đầy đủ các công việc, trình bày, trả lời, trao đổi... trong quá trình thực tập	Phân công chưa hợp lý dẫn đến ~40% thành viên tham gia đầy đủ các công việc, trình bày, trả lời, trao đổi... trong quá trình thực tập	0,3
Kỹ năng giao tiếp, hành xử và thích ứng với nội quy và văn hóa doanh nghiệp	CDR8 CDR11 CDR14 CDR18-20 CDR22	10%	Phương thức giao tiếp tốt, hành xử đúng mực và chuyên nghiệp, thích ứng tốt với nội quy và văn hóa tại đơn vị thực tập	Đáp ứng 70-85% mức giỏi	Đáp ứng 50-70% mức giỏi	Đáp ứng 0-49% mức giỏi	0,3
Nội dung báo cáo	CDR1-3 CDR5 CDR7 CDR9 CDR11-13 CDR15 CDR20-22	15%	Phản ánh chân thực quá trình thực tập, trình bày logic, đầy đủ, không đạo văn, không tự tạo số liệu/hình ảnh	Phản ánh đúng và đủ quá trình thực tập, không đạo văn, không tự tạo số liệu/hình ảnh	Phản ánh được cơ bản quá trình thực tập, không đạo văn, không tự tạo số liệu/hình ảnh	Không phản ánh đúng quá trình thực tập, đạo văn hoặc tự tạo số liệu/hình ảnh	0,45
Hình thức báo cáo	CDR5 CDR18	5%	Cấu trúc đẹp, rõ ràng, không lỗi	Cấu trúc rõ ràng, không lỗi	Cấu trúc hợp lý, nhiều lỗi chính tả/đánh máy.	Cấu trúc đơn điệu, nhiều lỗi chính tả/đánh máy	0,15
ĐIỂM TỔNG							3,0

Phiếu chấm điểm của giáo viên phản biện về báo cáo

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 – 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 – 0.0	
Chuẩn bị, hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng nghề	CDR3 CDR5-7 CDR9-11	10%	Chuẩn bị tốt các kiến thức, kỹ năng, kế hoạch thực	Đáp ứng 70-85% mức giỏi	Đáp ứng 50-70% mức giỏi	Đáp ứng 0-49% mức giỏi	0,1

<p>nghiệp, kỹ năng cá nhân và các mềm cần thiết để triển khai nội dung chuyên môn sẽ thực tập, lên kế hoạch thực tập</p>	<p>CDR13 CDR17 CDR21</p>		<p>tập logic, phân công công việc rõ ràng</p>				
<p>Tìm hiểu về về cách thức tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh gắn liền với chuyên ngành công nghệ sinh học nông nghiệp tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất</p>	<p>CDR1 CDR13-14</p>	<p>10%</p>	<p>Hệ thống hóa và phân tích một cách hợp lý về chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh của đơn vị</p>	<p>Đáp ứng 70-85% mức giỏi</p>	<p>Đáp ứng 50-70% mức giỏi</p>	<p>Đáp ứng 0-49% mức giỏi</p>	<p>0,1</p>
<p>Đánh giá về nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực triển khai hoạt động chuyên môn tại đơn vị nghiên cứu, sản xuất thực tập</p>	<p>CDR2 CDR12-13</p>	<p>10%</p>	<p>Phân ánh, phân tích hợp lý nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị</p>	<p>Phân ánh, phân tích tương đối hợp lý nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị</p>	<p>Phân ánh hợp lý nhưng chưa phân tích nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị</p>	<p>Phân ánh không hợp lý về nhu cầu nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị</p>	<p>0,1</p>
<p>So sánh kết quả thực tế triển khai công việc chuyên môn so với dự kiến/kết quả do cơ sở triển khai. Phân tích, đánh giá hiệu quả thực tập nội dung chuyên môn và lý giải.</p>	<p>CDR10 CDR12 CDR15-16 CDR21</p>	<p>20%</p>	<p>So sánh, lý giải hợp lý, đầy đủ, phân ánh rõ ràng mối quan hệ nhân quả giữa cách thức/điều kiện triển khai với kết quả đạt được về mặt chuyên môn</p>	<p>So sánh, lý giải tương đối hợp lý, đầy đủ, phân ánh cơ bản mối quan hệ nhân quả giữa cách thức/điều kiện triển khai với kết quả đạt được về mặt chuyên môn</p>	<p>So sánh, lý giải tương đối hợp lý nhưng chưa đầy đủ, phân ánh một phần mối quan hệ nhân quả giữa cách thức/điều kiện triển khai với kết quả đạt được về mặt chuyên môn</p>	<p>Thiếu logic trong việc so sánh, lý giải và phân ánh một phần mối quan hệ nhân quả giữa cách thức/điều kiện triển khai với kết quả đạt được về mặt chuyên môn</p>	<p>0,2</p>
<p>Kỹ năng làm việc nhóm</p>	<p>CDR9 CDR17</p>	<p>10%</p>	<p>Có sự phân công rất hợp lý để 100% thành viên</p>	<p>Có sự phân công hợp lý để ~80% thành viên tham gia</p>	<p>Có sự phân công tương đối hợp lý để ~60% thành</p>	<p>Phân công chưa hợp lý dẫn đến ~40% thành</p>	<p>0,1</p>

			tham gia đầy đủ các công việc trong quá trình thực tập	đầy đủ các công việc trong quá trình thực tập	viên tham gia đầy đủ các công việc trong quá trình thực tập	viên tham gia đầy đủ các công việc trong quá trình thực tập	
Nội dung báo cáo	CDR1-3 CDR5 CDR7 CDR9 CDR11-13 CDR15 CDR20-22	30%	Trình bày logic, đầy đủ các nội dung thực tập, không đạo văn, không tự tạo số liệu/hình ảnh	Phản ánh tương đối logic và đủ các nội dung thực tập, không đạo văn, không tự tạo số liệu/hình ảnh	Phản ánh tương đối logic nhưng chưa đủ các nội dung thực tập, không đạo văn, không tự tạo số liệu/hình ảnh	Phản ánh không hợp lý các nội dung thực tập, đạo văn hoặc tự tạo số liệu/hình ảnh	0,3
Tham khảo tài liệu	CDR4-5	5%	Logic, phong phú, trích dẫn đúng quy định, không đạo văn	Logic, đầy đủ, trích dẫn đúng quy định, không đạo văn	Căn bản, trích dẫn đúng quy định, không đạo văn	Thiếu, kém logic, trích dẫn không đúng quy định, đạo văn	0,05
Hình thức báo cáo	CDR5 CDR18	5%	Cấu trúc đẹp, rõ ràng, không lỗi	Cấu trúc rõ ràng, không lỗi	Cấu trúc hợp lý, nhiều lỗi chính tả/đánh máy.	Cấu trúc đơn điệu, nhiều lỗi chính tả/đánh máy	0,05
ĐIỂM TỔNG							1,0

Chăm thuyết trình báo cáo về rèn luyện kiến thức, kỹ năng, thái độ, kết quả nội dung thực tập

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức báo cáo	CDR5 CDR18	10%	Cấu trúc đẹp, rõ ràng, không lỗi	Cấu trúc rõ ràng, không lỗi	Cấu trúc hợp lý, nhiều lỗi chính tả/đánh máy.	Cấu trúc đơn điệu, nhiều lỗi chính tả/đánh máy	0,2
Kỹ năng trình bày	CDR5 CDR18	10%	Trình bày rõ, tự tin, thuyết phục, trong thời gian quy định, có trao đổi với người nghe	Trình bày khá rõ ràng, trong thời gian quy định, có trao đổi với người nghe	Trình bày tương đối rõ ràng, ít hơn hoặc vượt thời gian quy định, ít trao đổi với người nghe	Trình bày không rõ ràng, không tự tin, không trao đổi với người nghe, ít hơn hoặc vượt thời gian quy định	0,2
Nội dung và tính logic của báo cáo	CDR1-22	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	0,8
Trả lời câu hỏi	CDR1-22	20%	Trả lời hợp lý tất cả các câu hỏi	Trả lời hợp lý trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời hợp lý trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời hợp lý dưới 1/2 số câu hỏi	0,4
Kỹ năng làm việc nhóm	CDR9 CDR17	20%	Có sự phân công rất hợp lý để 100% thành viên tham gia trình bày, trả lời,	Có sự phân công hợp lý để ~80% thành viên tham gia trình bày, trả lời,	Có sự phân công tương đối hợp lý để ~60% thành viên tham gia trình bày, trả	Phân công chưa hợp lý dẫn đến ~40% thành viên tham gia trình bày, trả lời, trao đổi	0,4

			trao đổi	trao đổi	lời, trao đổi		
ĐIỂM TỔNG							2,0

8. TIẾN TRÌNH HỌC TẬP

Buổi làm việc	Hoạt động học tập	
<i>Tự học 1</i> (5h)	Định hướng công việc/lĩnh vực chuyên môn cụ thể sẽ thực tập nghề nghiệp và tổ chức nhóm có cùng định hướng thực tập, tìm, liên hệ giảng viên hướng dẫn tại Khoa/Trường	
Ngày 1-2 (6 tiết)	Trao đổi với giảng viên hướng dẫn tại Khoa/Trường để tìm, liên hệ với đơn vị sẽ thực tập, người hướng dẫn tại đơn vị sẽ thực tập	
Ngày 3-4 (4 tiết)	Thống nhất nội dung thực tập với người hướng dẫn tại đơn vị sẽ thực tập, giảng viên hướng dẫn tại trường	
Ngày 5-6 (3 tiết)	Chuẩn bị, hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng cá nhân và các mềm cần thiết để triển khai nội dung chuyên môn sẽ thực tập	
<i>Tự học 2</i> (5h)	<i>Chuẩn bị dữ liệu, hệ thống hóa kiến thức, kiến thức, kỹ năng cần thiết cho quá trình thực tập nghề nghiệp chuyên ngành Công nghệ sinh học</i>	
Ngày 7 (5 tiết)	Lên kế hoạch thực tập thực tế tại cơ sở chung cho cả nhóm, phân công công việc thành viên. Trao đổi với giảng viên hướng dẫn tại trường, người hướng dẫn, chỉnh sửa theo góp ý	
Ngày 8-30 tùy vào tình huống, yêu cầu của đơn vị thực tập	10 tiết trải nghiệm thực tế	Tìm hiểu thực tế tại cơ sở, nghe hướng dẫn, ghi nhận, thảo luận, tổng hợp thông tin về về cách thức tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh gắn liền với chuyên ngành công nghệ sinh học thực vật tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất
	4h tự học 3	<i>Phân tích, đánh giá về cách thức tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ, nội quy, phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp về mặt hành chính/kinh doanh gắn liền với chuyên ngành công nghệ sinh học thực vật tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất</i>
	2 tiết trải nghiệm thực tế	Tìm hiểu thực tế tại cơ sở, nghe hướng dẫn, ghi nhận, thảo luận, tổng hợp thông tin về nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị nghiên cứu, sản xuất thực tập
	4h tự học 4	<i>Phân tích, đánh giá về nhu cầu về nhân lực, trình độ nhân lực tại đơn vị nghiên cứu, sản xuất thực tập và khả năng đáp ứng của bản thân</i>
	4 tiết trải nghiệm thực tế	Nghe hướng dẫn, quan sát làm mẫu và ghi nhận thực tế, thảo luận để phân tích, tổng hợp về phương thức triển khai hoạt động nghề nghiệp thực tế sẽ trải nghiệm về mặt kiến thức, kỹ năng thao tác
	40 tiết trải nghiệm thực tế	Thực hành thực tiếp, ghi nhận kết quả triển khai các công việc chuyên môn theo nội dung kế hoạch đã thống nhất
	12h tự học 5	<i>Phân tích, đánh giá về cách thức triển khai công việc, khả năng đáp ứng</i>

	<i>của bản thân, lý giải nguyên nhân dẫn đến kết quả</i>
<i>Tự học 6 (4h)</i>	Cá nhân tự phân tích, đánh giá, lý giải và tổng hợp kết quả so sánh phương thức triển khai công việc chuyên môn tại cơ sở so với lý thuyết đã học, so sánh kết quả thực tế triển khai công việc chuyên môn so với dự kiến/kết quả do cơ sở triển khai và hiệu quả thực tập nội dung chuyên môn
Ngày 31-34 (6 tiết)	Thảo luận nhóm để phân tích, đánh giá, lý giải và tổng hợp kết quả so sánh phương thức triển khai công việc chuyên môn tại cơ sở so với lý thuyết đã học, so sánh kết quả thực tế triển khai công việc chuyên môn so với dự kiến/kết quả do cơ sở triển khai và hiệu quả thực tập nội dung chuyên môn.
<i>Tự học 7 (4h)</i>	<i>Cá nhân hệ thống kết quả đã triển khai, phân tích, đánh giá, tổng hợp nội dung, ý kiến để lập báo cáo giữa kỳ</i>
Ngày 14-17 (4 tiết)	Nộp, Trình bày báo cáo tiến độ giữa kỳ, các công việc đã thực hiện
<i>Tự học (10h)</i>	<i>Hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng, thái độ có được thông qua quá trình thực hành Hệ thống hóa kết quả các nội dung thực hành, phân tích, đánh giá, lý giải Thành viên nhóm thảo luận để lập báo cáo tổng kết học phần</i>
Ngày 35-40 (6 tiết)	Nộp, trình bày báo cáo về rèn luyện kiến thức, kỹ năng, thái độ, kết quả nội dung thực tập

9. XÂY DỰNG MATRIX, MAPPING ĐỂ THEO DÕI TÍNH NHẤT QUẢN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

9.1 Ma trận nhất quán chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR HP	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
CĐR CTĐT																						
1.3.20	H	H	H			H																
2.1.5							M															
2.1.7			H																			
2.1.9	H	H					M															
2.2.3				H																		
2.2.8					H																	
2.3.5						H																
2.4.3							H												M			
2.4.5																H						
2.4.6						L							M									
2.4.7																					H	
2.4.8						H																
2.5.1																						H
2.5.2																				H		
2.5.3																			H			
2.5.4													H									
2.5.6								H	M													
2.5.7								L	M	H												
2.5.5																					H	
3.1.1																	H					
3.1.2																	H					
3.1.3																	H					

3.1.4																			H						
3.1.5																			H						
3.2.1																				H					
3.2.2																				H					
3.2.4																				H					
3.2.6																				H					
3.2.7																				H					
3.3.2																				H					
4.1.5							H																		
4.2.1											H														
4.2.2												M													
4.2.3													H												
4.2.4																					H				
4.2.5																					M				
4.2.6							H													H					
4.3.5								M																	
4.3.10								L																	
4.3.12								M																	
4.3.18									L	L															
4.3.27								H																	

H: cao, M: trung bình, L: thấp

9.2 Ma trận nhất quán các nội dung thực hành của học phần với chuẩn đầu ra học phần

CDR HP	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Chủ đề																						
Chủ đề 1	P	P	P	P		P	I	P		P							P	P			P	
Chủ đề 2	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
Chủ đề 3	P	P	P	P	P	P	P		P	P	P	P	P		P	P	P	P		P	P	P

I-giới thiệu, P-thành thạo; A-nâng cao.

9.3 Ma trận nhất quán phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

PP	CDR HP	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Đánh giá																							
Đánh giá của cơ quan bên ngoài		M	M			M		M	M	M			L	M	L	L				L	M	M	M
Đánh giá của giáo viên hướng dẫn		M	M	M	L	H	M	M	M	H	M	M	L	M	H	H	H			H	M	M	H
Bài thuyết trình, báo cáo tổng hợp thực tập		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H			H	H	H	H

H: cao, M: trung bình, L: thấp

9.4 Ma trận nhất quán phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

CDR HP	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
PP																						
Giảng dạy																						
Hướng dẫn	M	M	H	L	L	M	M	L		H	M	M	L			L	M	M	M	H	H	M
Tìm hiểu thực tế, phân tích, đánh giá	H	H	L	H	H		L	L		H	H	H	H		M	M	H	H	H	H	M	M
Xử lý tình huống thực tế, Thực hành kỹ năng	H	H	H		H	H	H	H		L	H	H	H	H	H	M	H	H	H	H	L	H
Thảo luận	M	L	M	L	L	H	M	H	H	H		L			L	H	H	H	M	L	M	L
Thuyết trình	M	M	M	M	M	L	M		M	L	M	M	M		M	L	H	H	H	H	M	H

H: cao, M: trung bình, L: thấp

9.5 Xây dựng ma trận tài liệu tham khảo (TLTK) với chuẩn đầu ra học phần

CDR HP	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
TLTK										0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2
Các tài liệu, giáo trình giảng dạy các học phần liên quan đến nội dung chuyên môn sẽ trải nghiệm trong quá trình thực tập			✓			✓	✓			✓		✓		✓	✓								
Các tài liệu, công bố liên quan đến nội dung chuyên môn sẽ trải nghiệm trong quá trình thực tập từ nguồn thư viện, internet			✓			✓	✓			✓		✓		✓	✓								

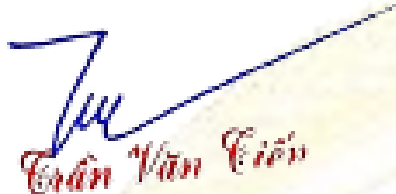
10. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÊ NGỌC TRIỆU, TIẾN SỸ,

Điện thoại liên lạc: 0918 564 197

Email liên lạc: trieuln@dlu.edu.vn

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**


Trần Văn Chiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


L.N. Triệu

GIẢNG VIÊN SOẠN


L.N. Triệu

